

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục
di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định biện pháp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam theo quy định của Luật Di sản văn hóa trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, Danh sách các thực hành tốt về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (sau đây gọi là Danh mục quốc gia).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Tiếng nói chữ viết*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện thông qua ngôn ngữ, ký tự để truyền đạt thông tin, trao truyền kiến thức, ký ức và các giá trị văn hóa xã hội của cộng đồng;

2. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Ngữ văn dân gian*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện bằng những tác phẩm văn nói do cộng đồng sáng tạo, gồm các câu chuyện, truyền thuyết, sử thi, truyện cười, ca dao, tục ngữ và các bài hát dân ca, hò vè, câu đố... được truyền miệng qua nhiều thế hệ, phản ánh văn hóa, tập quán, tín ngưỡng và nhận thức của cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử, nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng;

3. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Nghệ thuật trình diễn dân gian*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện thông qua các hình thức diễn xướng do cộng đồng sáng tạo, gồm âm nhạc, hát, múa và các hình thức trình diễn khác, xuất phát từ đời sống văn hóa, tâm linh và lao động sản xuất của cộng đồng và phục vụ trực tiếp cho đời sống tinh thần của cộng đồng;

4. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Tập quán xã hội và tín ngưỡng*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được cộng đồng thực hiện thông qua các hoạt động thường xuyên mang tính nghi lễ hoặc cách thức thể hiện niềm tin hoặc mong muốn của cộng đồng gắn với các sự kiện quan trọng, với nhận thức về thế giới hoặc về lịch sử và ký ức;

5. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Lễ hội truyền thống*: là tập hợp nhiều biểu đạt văn hóa do cộng đồng sáng tạo, mang tính tâm linh và nghi lễ của cộng đồng, được cộng đồng thực hiện theo chu kỳ tại không gian thiêng và không gian văn hóa liên quan, để thực hiện các chức năng xã hội cơ bản của văn hóa là: nhận thức tự nhiên và xã hội, giáo dục nhân cách, định hướng và điều chỉnh hành vi ứng xử, giải trí cộng đồng, giao tiếp giữa con người với thiên nhiên, với thần linh, với con người và đảm bảo tính kế tục của lịch sử;

6. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Nghề thủ công truyền thống*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện thông qua khả năng sản xuất thủ công có tuân thủ các yếu tố truyền thống về hình thức, trang trí nghệ thuật, nguyên vật liệu, sử dụng các kỹ thuật có nguồn gốc bản địa được lưu truyền từ quá khứ và trí tuệ sáng tạo của nghệ nhân, để tạo ra các sản phẩm có tính độc bản, phù hợp với chức năng xã hội và phản ánh các yếu tố văn hóa cộng đồng;

7. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể *Tri thức dân gian*: là các biểu đạt văn hóa của cộng đồng; được hình thành từ mối quan hệ qua lại trong lịch sử giữa cộng đồng với môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội để thích ứng và tồn tại; thể hiện thông qua các kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng ứng xử linh hoạt, hài hòa với tự nhiên và xã hội;

8. *Bảo vệ*: là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, bảo tồn, gìn giữ, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này;

9. *Ghi danh di sản văn hóa phi vật thể vào các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia*: là hoạt động nhằm nhận diện về giá trị, thành tố, chủ thể, nghệ nhân, hiện trạng thực hành, xác định các biện pháp bảo vệ lâu dài di sản văn hóa phi vật thể;

10. *Cộng đồng thực hành di sản văn hóa phi vật thể*: là tập hợp những cá nhân cùng cư trú tại một khu vực địa lý, có đặc tính chung về văn hoá, xã hội, cùng thừa nhận một hay nhiều di sản văn hóa phi vật thể là bản sắc của họ để cùng tái tạo, duy trì và trao truyền;

11. *Chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể*: là cộng đồng, nhóm người hoặc cá nhân sở hữu, thực hành và sáng tạo di sản văn hóa phi vật thể;

12. *Không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể*: là nơi di sản văn hóa phi vật thể được sáng tạo, thực hành và lưu truyền;

13. *Tính chính thể của di sản văn hóa phi vật thể*: là sự bao quát đầy đủ thành tố cấu thành, quy trình thực hành, nội dung, thông tin, ý nghĩa và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể;

14. *Tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể*: là trạng thái di sản văn hóa phi vật thể được liên tục thực hành, sáng tạo, tái tạo và lưu truyền bởi cá nhân, nhóm, cộng đồng chủ thể di sản đó;

15. *Biểu đạt di sản văn hoá phi vật thể*: là những biểu hiện cụ thể bằng ngôn ngữ, hành động, cử chỉ được cá nhân, nhóm, cộng đồng tạo ra trong quá trình thực hành nhằm truyền tải nội dung, thông tin, ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa phi vật thể;

16. *Di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một*: là di sản mà khả năng tồn tại của nó đang bị đe dọa nghiêm trọng bất chấp nỗ lực bảo vệ của cộng đồng, nhóm người hoặc cá nhân liên quan;

17. *Các danh sách của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể* (sau đây gọi là các Danh sách của UNESCO) gồm: Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, Danh sách các thực hành tốt về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể;

18. *Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại* (sau đây gọi là Danh sách đại diện): là danh sách được UNESCO thiết lập để ghi danh theo tiêu chí đối với các hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể do các quốc gia thành viên đề nghị với mục đích đảm bảo tầm nhìn rõ ràng hơn về di sản văn hóa phi vật thể và nhận thức về tầm quan trọng của di sản, đồng thời khuyến khích đối thoại trên cơ sở tôn trọng đa dạng văn hóa;

19. *Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp* (sau đây gọi là Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp): là danh sách được UNESCO thiết lập để ghi danh theo tiêu chí đối với các hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể do các quốc gia thành viên đề nghị với mục đích nhìn nhận rõ hơn những mối đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn của di sản này mà nếu không được bảo vệ ngay lập tức thì sẽ không thể tồn tại, để thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp;

20. *Danh sách các thực hành tốt về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*: là danh sách được UNESCO thiết lập để ghi danh các chương trình, dự án và hoạt động được các quốc gia thành viên đề xuất nhằm khuyến khích, lựa chọn và phát huy các chương trình, dự án và hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có quy mô quốc gia, tiểu vùng hoặc khu vực, phản ánh tốt nhất các nguyên tắc và các mục tiêu của Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là Công ước 2003);

21. *Chương trình hành động quốc gia về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO* (sau đây gọi là Chương trình hành động quốc gia): là chương trình được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức xây dựng và công bố sau khi di sản được UNESCO ghi danh vào các Danh sách nhằm đưa ra các hoạt động có tính định hướng chung, phù hợp với hiện trạng của di sản nhằm thực hiện các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Công ước 2003, khuyến nghị của Ủy ban Liên Chính phủ và thể hiện nội dung đã cam kết khi trình Hồ sơ;

22. *Kế hoạch hành động về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO* (sau đây gọi là Kế hoạch hành động): là kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức xây dựng và ban hành nhằm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị lâu dài một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO có trên địa bàn;

23. *Báo cáo quốc gia về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể thuộc các Danh sách của UNESCO* (sau đây gọi là Báo cáo quốc gia): là báo cáo theo định kỳ của Việt Nam gửi UNESCO về việc thực hiện Công ước 2003, hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG CÁC DANH SÁCH CỦA UNESCO VÀ DANH MỤC QUỐC GIA

Mục I

NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 4. Đảm bảo vai trò, sự tham gia của cộng đồng, chủ thể

1. Các cộng đồng, nhóm và cá nhân là chủ thể nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể giữ vai trò chủ chốt, trung tâm trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

2. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể được ưu tiên tham vấn hoặc tham gia trực tiếp vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

3. Nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể phải được tham gia với nhận thức đầy đủ vào toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể mà họ nắm giữ.

4. Tôn trọng ý kiến đồng thuận của cộng đồng chủ thể trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

5. Đảm bảo quyền thực hành di sản văn hóa phi vật thể của chủ thể và các nguyên tắc về giới trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

6. Nghiêm cấm các hành vi trục lợi từ di sản, các hoạt động tạo sự ganh đua, tranh chấp trong cộng đồng, các hành vi thực hành không còn phù hợp với bản chất của di sản và với mong muốn của cộng đồng chủ thể.

7. Nghiêm cấm các hành vi ép buộc đối với cộng đồng trong việc lựa chọn các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng đó. Khi có ý kiến khác nhau trong việc lựa chọn thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, cần phải thảo luận để tạo sự đồng thuận trong cộng đồng.

Điều 5. Giữ gìn các giá trị, biểu đạt, hiểu biết, kỹ năng, kỹ thuật, vật thể và không gian văn hóa liên quan của di sản văn hóa phi vật thể

1. Ưu tiên giữ gìn các giá trị, biểu đạt, hiểu biết, kỹ năng, kỹ thuật, vật thể và không gian văn hóa liên quan của di sản văn hóa phi vật thể; bảo đảm tính chỉnh thể và liên tục thực hành của di sản.

2. Bảo vệ các biểu đạt của di sản văn hóa phi vật thể, bảo đảm thể hiện, truyền tải đúng và đầy đủ các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

3. Điều chỉnh hoặc loại bỏ các hoạt động làm thay đổi các biểu đạt dẫn tới việc thực hành sai hay truyền tải không đúng giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

4. Các hoạt động dẫn tới thay đổi về các giá trị, biểu đạt, vật thể và không gian văn hóa liên quan của di sản văn hóa phi vật thể cần có sự đồng thuận giữa cộng đồng chủ thể, chính quyền và các bên liên quan, trong đó ưu tiên quyền quyết định của cộng đồng chủ thể của di sản; vì sự tồn tại, thực hành lâu dài, liên tục của di sản, phù hợp với bản chất, giá trị vốn có của di sản, phù hợp với pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam và văn kiện quốc tế Việt Nam tham gia.

5. Nghiêm cấm các hoạt động xâm phạm, xuyên tạc hoặc làm mai một các giá trị, biểu đạt của di sản văn hóa phi vật thể liên quan tới tập quán, tín ngưỡng, tính thiêng, những điều kiêng kỵ, thực hành kín hoặc tục hèm được cộng đồng thực hành qua nhiều thế hệ và coi đó là bản sắc văn hóa của họ.

Điều 6. Tôn trọng sự đa dạng văn hóa

1. Bảo đảm tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tôn trọng sự đối thoại giữa các cộng đồng và tôn trọng tính đặc thù dân tộc, vùng miền trong các hoạt động nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt văn hóa, phân biệt dân tộc, phân biệt vùng miền.

2. Di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng khác nhau đều được tôn trọng như nhau. Nghiêm cấm phân biệt đối xử giữa di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng này với di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng khác.

Điều 7. Bảo đảm vì sự phát triển bền vững

1. Mọi hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể phải bảo đảm di sản được thực hành lâu dài, liên tục và hướng tới sự phát triển bền vững: phát triển xã hội toàn diện; bảo đảm an ninh, an toàn cộng đồng và xã hội; bảo vệ môi trường; hướng con người, cộng đồng tới các giá trị văn hóa tốt đẹp; gìn giữ bản sắc văn hóa; gìn giữ hòa bình.

2. Điều chỉnh hoặc loại bỏ các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tạo ra xung đột, mâu thuẫn trong chính cộng đồng đó hoặc với cộng đồng liên quan.

3. Khuyến khích, ưu tiên đầu tư bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, di sản của cộng đồng các dân tộc sinh sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù, di sản có giá trị toàn cộng đồng, xã hội.

Mục II

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 8. Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm kê theo chu kỳ 05 (năm) năm một lần sau khi di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 31 tháng 10 của năm theo chu kỳ kiểm kê.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và hướng dẫn báo cáo kiểm kê định kỳ.

Điều 9. Truyền dạy, giáo dục di sản văn hóa phi vật thể

1. Ưu tiên các hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO, Danh mục quốc gia, di sản có nguy cơ mai một tại cộng đồng cho thế hệ kế cận.

2. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm thực hiện các hoạt động giáo dục chính thức và phi chính thức di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ, đặc biệt đối với các di sản được ghi danh trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp.

Điều 10. Chính sách đối với nghệ nhân, cộng đồng

1. Có chính sách đãi ngộ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia, đặc biệt là hoạt động truyền dạy trong và ngoài cộng đồng.

2. Nghệ nhân, người thực hành được ưu tiên và hỗ trợ kinh phí khi tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể như thực hành, trình diễn và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể.

3. Căn cứ tình hình của địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành chính sách đối với các nghệ nhân, cộng đồng đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

4. Khen thưởng các cá nhân, cộng đồng có những đóng góp tích cực vào hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia, đặc biệt đối với cá nhân, cộng đồng có đóng góp đối với các di sản được UNESCO ghi danh trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp.

Điều 11. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một

1. Di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một được ưu tiên kiểm kê, tư liệu hóa, ghi danh, xây dựng đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, giao cơ quan chức năng tổ chức xây dựng, thực hiện Đề án, Dự án nhằm kịp thời bảo vệ di sản trước nguy cơ mai một.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương có liên quan tổ chức xây dựng hồ sơ trình UNESCO đề nghị hỗ trợ kinh phí bảo vệ các di sản được ghi danh trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp từ Quỹ bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Công ước 2003.

Điều 12. Tổ chức liên hoan thực hành, trình diễn, trưng bày, triển lãm và giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài nước

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, chủ trì hoặc chỉ đạo, giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa chủ trì, phối hợp với các địa phương, cá nhân, tổ chức và cộng đồng liên quan tổ chức liên hoan thực hành, trình diễn, trưng bày, triển lãm, giới thiệu quy mô quốc gia các di sản văn hóa phi vật thể

được UNESCO ghi danh để tôn vinh nghệ nhân, cộng đồng chủ thể và quảng bá di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, chủ trì hoặc chỉ đạo giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, các địa phương trong tỉnh, tổ chức và cộng đồng liên quan tổ chức liên hoan thực hành, trình diễn, trưng bày, triển lãm, giới thiệu các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh để tôn vinh nghệ nhân, cộng đồng chủ thể và quảng bá di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

3. Liên hoan thực hành, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh (sau đây gọi là Liên hoan) được tổ chức theo quy mô và định kỳ như sau:

a) Liên hoan tất cả các loại hình di sản văn hóa phi vật thể do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa tổ chức ở quy mô quốc gia, quốc tế theo định kỳ 03 (ba) năm một lần;

b) Liên hoan từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia ở trong nước và quốc tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa chủ trì hoặc phối hợp tổ chức theo định kỳ 01 (một) năm một lần;

c) Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể có phạm vi 02 (hai) tỉnh trở lên được Ủy ban nhân dân các tỉnh có di sản thống nhất, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức luân phiên 02 (hai) năm một lần;

d) Liên hoan một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 (một) tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có di sản quyết định, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa tổ chức theo cam kết với UNESCO tại Chương trình hành động quốc gia.

4. Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia có phạm vi tổ chức trong 01 (một) tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có di sản quyết định.

5. Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia có phạm vi tổ chức từ 02 (hai) tỉnh trở lên do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

6. Hoạt động trưng bày, triển lãm tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể được tổ chức như sau:

a) Trưng bày dài hạn, ngắn hạn tại bảo tàng do các bảo tàng trực thuộc các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện;

b) Trưng bày, triển lãm lưu động trong và ngoài nước ở quy mô quốc gia, quốc tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, chủ trì hoặc chỉ đạo, giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa thực hiện;

c) Tổ chức giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với tài liệu, hiện vật và nội dung trưng bày bảo tàng phạm vi quốc gia ở trong và ngoài nước do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, chủ trì hoặc chỉ đạo, giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa thực hiện;

d) Tổ chức giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với tài liệu, hiện vật và nội dung trưng bày bảo tàng trong phạm vi bảo tàng do bảo tàng trực thuộc các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện.

Điều 13. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, áp dụng khoa học công nghệ vào hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia

1. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân thực hiện, tham gia thực hiện, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy, tư liệu hóa, giới thiệu, áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia, ưu tiên di sản văn hoá phi vật thể đã được ghi danh của cộng đồng các dân tộc thiểu số; nâng cấp và khai thác có hiệu quả ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động tổng hợp, theo dõi, cập nhật, phân tích thông tin, các báo cáo, chương trình hành động quốc gia, kế hoạch hành động, đề án, dự án về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ tư cách pháp nhân, năng lực để tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể nhằm thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể để tự lưu trữ hoặc gửi tư liệu vào bảo tàng nhằm khai thác, sử dụng khi cần thiết.

Điều 14. Đào tạo, nâng cao năng lực

1. Xây dựng chính sách, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, ưu tiên đối tượng là người dân tộc thiểu số tại các địa phương.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo việc đưa nội dung quản lý di sản văn hóa phi vật thể vào chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo thuộc Bộ và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Bộ.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, chịu trách nhiệm việc đưa nội dung nâng cao năng lực quản lý di sản văn hóa phi vật thể vào chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo cấp tỉnh.

Điều 15. Nâng cao nhận thức của cộng đồng, chủ thể di sản và xã hội

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hàng năm cho nghệ nhân, cộng đồng và các đối tượng liên quan tới hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương nhằm

nâng cao nhận thức của cộng đồng, chủ thể di sản và xã hội về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Khuyến khích, động viên nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng tham gia các chương trình tập huấn về di sản văn hóa phi vật thể và về giá trị, vai trò của nghệ nhân, người thực hành, cộng đồng đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh.

4. Tạo điều kiện và khuyến khích, động viên Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú tổ chức các lớp tập huấn, lớp truyền dạy về di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng.

Mục III

BÁO CÁO QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 16. Chế độ thực hiện Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, các Báo cáo quốc gia, đề án, dự án

1. Các di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO phải có Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, các báo cáo định kỳ quốc gia, đề án, dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị.

2. Các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia phải xây dựng đề án, dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị.

Điều 17. Báo cáo quốc gia

1. Các Báo cáo quốc gia gồm:

a) Báo cáo định kỳ quốc gia về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách đại diện;

b) Báo cáo định kỳ quốc gia về bảo vệ di sản trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp;

c) Các báo cáo khác theo yêu cầu của UNESCO.

2. Nguyên tắc xây dựng

a) Việc xây dựng báo cáo phải tuân thủ về thời gian, mẫu nội dung báo cáo được UNESCO quy định.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức báo cáo chịu trách nhiệm về tính chính xác và cập nhật số liệu tại thời điểm gửi báo cáo.

3. Thời gian xây dựng

a) Đối với Báo cáo định kỳ quốc gia về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách đại diện, sau mỗi 06 (sáu) năm kể từ lần báo cáo gần nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các tỉnh có di sản

gửi báo cáo tình trạng di sản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia gửi UNESCO trước ngày 15 tháng 12 của năm định kỳ.

b) Đối Báo cáo định kỳ quốc gia về bảo vệ di sản trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp, định kỳ 04 (bốn) năm sau khi ghi danh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các tỉnh có di sản gửi báo cáo tình trạng di sản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia gửi UNESCO trước ngày 15 tháng 12 của năm định kỳ.

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng các báo cáo khác theo yêu cầu của UNESCO.

4. Nội dung Báo cáo quốc gia

Nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên kết quả triển khai hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; phản ánh đầy đủ, chân thực tình trạng sức sống di sản, hiện trạng thực hành di sản, số lượng nghệ nhân, người thực hành, bài bản, không gian văn hóa liên quan của di sản, công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa phi vật thể trên phạm vi tồn tại và lan tỏa của di sản kể từ khi được ghi danh hoặc (và) kể từ lần báo cáo gần nhất.

5. Trách nhiệm xây dựng Báo cáo quốc gia

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, giao cơ quan chức năng tổ chức xây dựng Báo cáo định kỳ quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO phân bố trên địa bàn tỉnh.

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, thông báo thời điểm nộp báo cáo, đề cương, mẫu nội dung báo cáo theo quy định của UNESCO tới các tỉnh ít nhất 6 tháng trước thời hạn gửi Báo cáo quốc gia tới UNESCO.

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức tổng hợp, xây dựng; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện; ký và gửi Báo cáo định kỳ quốc gia tới cơ quan có trách nhiệm của UNESCO theo quy định.

d) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, ký và gửi các báo cáo khác theo quy định khi có yêu cầu của UNESCO.

Điều 18. Chương trình hành động quốc gia

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Chương trình hành động quốc gia bảo vệ di sản cho mỗi di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO. Chương trình hành động quốc gia được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố tại Lễ đón bằng ghi danh di sản văn hoá phi vật thể vào các Danh sách của UNESCO.

2. Nội dung cơ bản của Chương trình hành động quốc gia thống nhất với nội dung cam kết bảo vệ di sản tại hồ sơ đệ trình UNESCO, các biện pháp cụ thể, khả thi nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được

ghi danh ở phạm vi quốc gia, phù hợp tính chất của di sản và cộng đồng chủ thể di sản, với Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam, bao gồm: Nhận diện, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, tư liệu hóa, thực hành, tái tạo, truyền dạy di sản; Tạo điều kiện và hỗ trợ nghệ nhân thực hành, truyền dạy; Tôn vinh nghệ nhân, người thực hành và có chính sách đãi ngộ; Đa dạng hóa hình thức giáo dục, tuyên truyền để truyền dạy và quảng bá, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển bền vững; Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và một số nội dung đặc thù khác của mỗi di sản.

3. Chương trình hành động quốc gia là cơ sở để xây dựng Kế hoạch, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 19. Kế hoạch hành động

1. Xây dựng Kế hoạch hành động

a) Kế hoạch hành động được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện.

b) Kế hoạch hành động được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Công ước 2003 và các văn kiện quốc tế khác liên quan Việt Nam tham gia, phù hợp với Chương trình hành động quốc gia và tương thích với Kế hoạch hành động của các tỉnh, thành phố khác có cùng di sản được ghi danh, bao gồm các biện pháp cụ thể, khả thi nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh ở phạm vi địa phương, phù hợp tính chất, hiện trạng thực hành của di sản và cộng đồng chủ thể di sản, với điều kiện thực tiễn của địa phương có di sản.

c) Kế hoạch hành động là cơ sở để xây dựng đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2. Ban hành và triển khai Kế hoạch hành động

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Kế hoạch hành động trước khi ban hành, điều chỉnh. Kế hoạch hành động được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành không quá một năm sau khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố Chương trình hành động quốc gia.

b) Kế hoạch hành động được triển khai theo từng giai đoạn, đảm bảo tính liên tục, kế thừa của di sản và phù hợp với sự biến đổi của di sản.

Điều 20. Đề án, dự án

1. Các loại Đề án gồm:

a) Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn;

b) Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO hoặc Danh mục quốc gia;

c) Các loại Đề án chuyên đề khác.

2. Các loại Dự án gồm:

a) Dự án truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể;

b) Dự án kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể;

c) Dự án lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào các Danh sách của UNESCO;

d) Dự án nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

đ) Dự án nghiên cứu, sưu tầm, nhận diện, tư liệu hóa, số hóa thông tin, chuyển đổi số về di sản văn hóa phi vật thể;

e) Dự án trình diễn, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể;

g) Dự án quảng bá di sản văn hóa phi vật thể;

h) Các loại Dự án chuyên đề khác.

3. Nội dung cơ bản của Đề án gồm: căn cứ pháp lý; mục tiêu; sự cần thiết của đề án; mô tả di sản; chủ thể di sản; giá trị của di sản; hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; xác định các vấn đề, yếu tố, nguy cơ tác động tới di sản cần được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị; đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị; phân tích, đánh giá tác động của đề án đến hiện trạng thực hành di sản văn hóa phi vật thể; nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, lộ trình, thời gian triển khai; kinh phí thực hiện cụ thể; phương án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; tên, nội dung các dự án thành phần, tổ chức thực hiện.

Điều 21. Nguyên tắc xây dựng, thời hạn của Kế hoạch hành động, Đề án, Dự án

1. Nguyên tắc xây dựng Kế hoạch hành động, Đề án, Dự án gồm:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam, Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và các văn kiện quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia;

b) Phù hợp với hiện trạng của di sản, chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và các chiến lược khác liên quan;

c) Phù hợp với hồ sơ di sản đã đệ trình UNESCO ghi danh, đưa vào Danh mục quốc gia, Chương trình hành động quốc gia;

d) Đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Nghị định này;

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch; có sự tham gia từ đầu tới cuối với sự nhận thức đầy đủ của cộng đồng chủ thể của di sản và các cơ quan nhà nước liên quan tới quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản;

e) Phù hợp với nguồn lực thực hiện và đảm bảo tính khả thi;

g) Các Đề án, Dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể do các Bộ, ngành, tổ chức khác ở trung ương thực hiện gửi thông báo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản văn hóa phi vật thể thuộc phạm vi của Đề án, Dự án và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 03 (ba) tháng sau khi kết thúc.

2. Kế hoạch hành động được xây dựng 10 (mười) năm một lần, tầm nhìn 15 (mười lăm) năm. Đề án được xây dựng 05 (năm) năm một lần, tầm nhìn 10 (mười) năm. Dự án được xây dựng và thực hiện trong phạm vi thời gian của Đề án. Thời gian thực hiện, triển khai đối với các Đề án, Dự án chuyên đề khác không quá 10 (mười) năm).

Điều 22. Xây dựng, góp ý, phê duyệt, ban hành và triển khai Đề án, Dự án

1. Xây dựng Đề án, Dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, giao cơ quan chuyên môn tại địa phương chủ trì xây dựng Đề án, dự án.

b) Dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể được xây dựng theo Đề án đã được phê duyệt.

2. Góp ý Đề án, Dự án

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và có ý kiến về Đề án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị.

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa căn cứ vào quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các lĩnh vực khác liên quan, Công ước 2003, hướng dẫn thực hiện Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, cam kết của Việt Nam với UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh và các văn kiện quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia để tổ chức góp ý.

c) Trong trường hợp cần thiết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi cơ quan, tổ chức có liên quan để có thêm ý kiến khoa học hoặc tổ chức tham vấn ý kiến chuyên gia, cộng đồng chủ thể.

d) Các Đề án, Dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể có phạm vi thực hiện từ hai tỉnh trở lên, các địa phương chủ trì đồng phê duyệt. Trước khi phê duyệt đề án, dự án, các địa phương thống nhất về nội dung, gửi xin ý kiến về chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; sau khi dự án được phê duyệt, mỗi tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí triển khai thực hiện trong phạm vi địa phương mình.

đ) Các Đề án, Dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể do các Bộ, ngành, tổ chức khác ở trung ương thực hiện chịu trách nhiệm phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

e) Thời hạn lấy ý kiến Đề án, Dự án: trong thời gian 30 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến về Đề án, Dự án.

g) Hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến về Đề án bao gồm:

- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp trưởng của cơ quan trung ương gửi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị có ý kiến về Đề án;

- Dự thảo Đề án;

- Biên bản họp xin ý kiến đồng thuận trên 80% (tám mươi phần trăm) thành viên của cộng đồng chủ thể thực hành di sản trên địa bàn thực hiện Đề án. Các tài liệu khác liên quan để tham khảo, làm minh chứng cho các nội dung nêu trong Đề án giúp cho việc có ý kiến được thuận lợi.

3. Phê duyệt, ban hành và triển khai Đề án, Dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phê duyệt, ban hành và chỉ đạo triển khai Đề án, Dự án sau khi lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng liên quan và ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Đề án không muộn hơn 01 năm sau khi di sản được ghi danh.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động, Đề án, dự án về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) sau 3 (ba) tháng kết thúc. Đề án được đánh giá lại sau hai năm, xem xét điều chỉnh (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

Điều 23. Lưu trữ Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã trình hoặc được UNESCO ghi danh

1. Cơ quan lưu trữ Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã trình hoặc được UNESCO ghi danh gồm:

- a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- b) Hội đồng di sản văn hóa quốc gia;

- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản văn hóa phi vật thể phân bố và xây dựng Hồ sơ.

2. Cơ quan lưu trữ Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã trình hoặc được UNESCO ghi danh có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Việc sử dụng và khai thác thông tin trong Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã trình hoặc được UNESCO ghi danh phải tuân thủ các quy định pháp luật về lưu trữ, di sản văn hóa và những quy định khác đối với từng Hồ sơ di sản văn

hóa phi vật thể đã trình hoặc được UNESCO ghi danh do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 24. Nguồn kinh phí và thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan căn cứ quy định hiện hành về phân cấp ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Các khoản thu từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa.
3. Tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG CÁC DANH SÁCH CỦA UNESCO VÀ DANH MỤC QUỐC GIA

Điều 25. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước trên phạm vi cả nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia và các nhiệm vụ theo quy định của Luật Di sản văn hóa, quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa phi vật thể;
3. Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa phi vật thể;
4. Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa phi vật thể;
5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
6. Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
7. Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa phi vật thể.

9. Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động xây dựng hồ sơ quốc gia di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể trình UNESCO.

10. Di sản văn hoá phi vật thể sau khi được đưa vào Danh mục quốc gia mà sau đó xác định không còn đáp ứng đủ tiêu chí và không thực hiện nghiêm chỉnh biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị, các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 23 của Nghị định này thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đưa ra khỏi Danh mục quốc gia.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia trên phạm vi địa phương và các nhiệm vụ theo quy định của Luật Di sản văn hóa, quy định tại Nghị định này cùng các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia thuộc phạm vi địa phương và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia;

3. Phê duyệt các Kế hoạch hành động, Dự án, Đề án theo thẩm quyền, bố trí và sử dụng các nguồn vốn dành cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh thất thoát và theo các quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xây dựng các chương trình giáo dục chính thức và phi chính thức về di sản văn hoá phi vật thể.

5. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về di sản ở trung ương và địa phương khác trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản văn hoá phi vật thể.

6. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những vướng mắc về chế độ, chính sách trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hoá phi vật thể.

7. Chỉ đạo và tổ chức cập nhật kiểm kê, xây dựng hồ sơ di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đệ trình UNESCO.

8. Ngăn chặn và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Nghị định này.

9. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện; kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm nội dung quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 23 của Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

1. Tư vấn những vấn đề khoa học liên quan đến việc lập và triển khai Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, đề án, dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết quốc tế về quản lý, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị.

Điều 28. Trách nhiệm của cộng đồng thực hành di sản

1. Cộng đồng, nhóm người và cá nhân thực hành di sản sau khi ghi danh vào Danh mục quốc gia và các Danh sách của UNESCO có trách nhiệm tiếp tục tham gia kiểm kê, thực hành, truyền dạy, phổ biến giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài cộng đồng.

2. Cộng đồng, nhóm người và cá nhân thực hành di sản có trách nhiệm tham gia cùng nhận diện di sản và các thành tố của mỗi di sản văn hoá phi vật thể mà họ nắm giữ, tham gia xác định giá trị của di sản để làm cơ sở bảo vệ, phát huy sau khi di sản được ghi danh.

3. Cộng đồng, nhóm người và cá nhân thực hành di sản cần tích cực tham gia vào quá trình xây dựng hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể đề cử vào Danh mục quốc gia và các Danh sách của UNESCO.

4. Cộng đồng, nhóm người và cá nhân thực hành di sản có trách nhiệm hướng dẫn, điều chỉnh các hành vi vi phạm nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể.

5. Cộng đồng, nhóm người và cá nhân thực hành di sản có trách nhiệm báo cáo, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về di sản văn hoá và điều ước quốc tế về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể mà Việt Nam tham gia.

Điều 29. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan trung ương có liên quan

Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hoá phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác

Chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cộng đồng chủ thể của di sản và cá nhân liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được giao

nhệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (3b), 240.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính